

Số: 38 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 06 tháng 12 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 81/TTr-STP ngày 22 tháng 7 năm 2016,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

#### **“Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh trong việc xây dựng dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo ngành, lĩnh vực:

a) Quyết định công bố thủ tục hành chính do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã ban hành, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm cập nhật chính xác, kịp thời, đầy đủ nội dung các quyết định đã công bố, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phải tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố theo hình thức “Bản sao y bản chính”.

Dự thảo quyết định công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính” được xây dựng như dự thảo quyết định công bố theo ngành, lĩnh vực áp dụng tại các cấp. Nội dung từng thủ tục được sao y nguyên trạng theo quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và có bổ sung thời gian, địa điểm, địa chỉ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đầu vào theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

b) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định về thủ tục hành chính hoặc quy định bổ sung bộ phận tạo thành thủ tục hành chính, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh phải xây dựng dự thảo quyết định công bố gửi Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định công bố, Sở Tư pháp có văn bản kiểm soát chất lượng gửi cơ quan dự thảo; cơ quan dự thảo tiếp thu, điều chỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản kiểm soát chất lượng của Sở Tư pháp.

Hồ sơ dự thảo quyết định công bố gửi Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng bao gồm: Văn bản đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố (bản chính); dự thảo tờ trình ban hành quyết định công bố; dự thảo quyết định công bố kèm theo thủ tục hành chính.

Hồ sơ trình ký ban hành quyết định công bố bao gồm: Tờ trình ban hành quyết định công bố (bản chính); dự thảo quyết định công bố kèm theo thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định thủ tục hành chính có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định công bố thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm xây dựng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản của thủ tục hành chính, công khai tạm thời áp dụng tại cơ quan, đơn vị.

Đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai tạm thời đối với thủ tục hành chính áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Văn bản hướng dẫn, công khai tạm thời gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp báo cáo theo quy định.

Sau khi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã ban hành quyết định công bố phải thực hiện ngay việc xây dựng dự thảo quyết định công bố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

d) Việc xây dựng dự thảo quyết định công bố theo ngành, lĩnh vực áp dụng tại các cấp được tiến hành như sau:

Đối với dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh phải được xây dựng bằng 01 quyết định độc lập theo từng lĩnh vực chuyên môn quản lý của cơ quan, đơn vị.

Đối với dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính áp dụng chung thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được xây dựng bằng 01 quyết định độc lập theo từng ngành, lĩnh vực chuyên môn quản lý.

Đối với dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính áp dụng chung thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã phải được xây dựng bằng 01 quyết định độc lập theo từng ngành, lĩnh vực chuyên môn quản lý.

đ) Quyết định công bố thủ tục hành chính phải đảm bảo các bộ phận tạo thành theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp:

e) Trường hợp thủ tục hành chính đã công bố hết hiệu lực thi hành, chậm nhất trong thời hạn 5 ngày, các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bãi bỏ, hủy bỏ và không công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Trang tin điện tử thành phần, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu, điều kiện và phạm vi công bố thủ tục hành chính phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

### 3. Trách nhiệm trong việc công khai thủ tục hành chính

a) Thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố, trong thời hạn 02 ngày phải đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính phải nghiêm ýt công khai kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

c) Nghiêm ýt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về phản ánh, kiến nghị phải đảm bảo đầy đủ nội dung, hình thức theo mẫu quy định.”

2. Sửa đổi khoản 2, Điều 6 như sau:

#### **“Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

2. Trách nhiệm trong việc công khai thủ tục hành chính:

a) Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày quyết định được ban hành.

b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày quyết định được ban hành.

c) Niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định.”

3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 8. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Công Thông tin điện tử tỉnh**

1. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi và phát hành quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi được ban hành đảm bảo thời gian, hình thức sau:

a) Quyết định công bố khi được ký phải phát hành ngay đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, chậm nhất là trong ngày làm việc tiếp theo.

b) Quyết định công bố thủ tục hành chính được gửi bằng hình thức bản giấy hoặc văn bản điện tử. Cách thức gửi cụ thể như sau:

Quyết định công bố bằng hình thức bản giấy được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp.

Hình thức văn bản điện tử của Quyết định công bố là các tệp tin có thể chỉnh sửa, tái sử dụng (word, excel); các tệp tin PDF được lưu trữ dưới hình thức quét (scan) từ bản gốc.

Quyết định công bố bằng văn bản điện tử được gửi dưới dạng word, excel và phải kèm theo tệp tin PDF để so sánh, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác của quyết định công bố.

2. Trách nhiệm của Công Thông tin điện tử tỉnh:

Công khai các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và loại bỏ thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định.”

3. Bãi bỏ mẫu PAKN ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện nội dung Quyết định này. Tổng hợp kết quả báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo đúng yêu cầu, nội dung và các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, gửi kết quả đến Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị quản lý theo đúng yêu cầu, nội dung và biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 gửi Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo chung.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/12/2016.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công TTĐT & TT CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC (N.259), Ktr03/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**